

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 324/2018/HSST

Ngày: 29-11-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải.

Bà Trần Thị Mến.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 316/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2018/QĐ-HSST ngày 19-11-2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Dương C, sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 15/139 đường L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Dương T và bà Phạm Thị D; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09-11-1998 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, ngày 23-4-2003 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên bản án sơ thẩm xử phạt 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 01-3-2005 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên bản án sơ thẩm xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 14-01-2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28-9-2018 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:** Anh Trần Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 82C/109 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Bùi M, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 134 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ ngày 15-9-2018, Nguyễn Dương C đi bộ lang thang một mình từ nhà ra khu vực hồ An Trạch, phường C, thành phố N mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến số nhà 82C/109 đường Đ, phường C, thành phố N là nơi anh Trần Văn H thuê trọ, C phát hiện cửa nhà không khóa nên đã đẩy cửa vào trong nhà thấy anh H đang ngủ ở trên giường, bên cạnh có để một rổ bằng nhựa đựng nhiều chiếc điện thoại và một ví da màu nâu. C cầm chiếc ví da bỏ vào trong chiếc rổ đựng điện thoại rồi ôm chiếc rổ tẩu thoát ra hồ An Trạch. Tại đây, C cởi quần dài buộc ống quần lại rồi đổ toàn bộ số điện thoại vừa trộm cắp được vào trong ống quần. C lấy chiếc ví ra kiểm tra thì thấy bên trong có 3.700.000 đồng và một số giấy tờ, C lấy tiền và vất chiếc ví cùng rổ nhựa vào trong thùng của xe rác.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Trần Văn H đã trình báo Công an phường C, thành phố N. Tại Cơ quan điều tra, anh H trình bày bị mất chiếc ví bên trong có 3.700.000 đồng, giấy tờ và 61 chiếc điện thoại đã qua sử dụng bao gồm 01 điện thoại Iphone7; 04 điện thoại Iphone6; 10 điện thoại Iphone5, 16 điện thoại Sony; 11 điện thoại Samsung; 04 điện thoại Nokia; 04 điện thoại LG; 06 điện thoại Oppo; 01 điện thoại Asus; 01 điện thoại MI; 01 điện thoại Sky; 02 điện thoại HTC, tổng giá trị khi mua là 63.100.000 đồng. Anh H khai do bản thân anh là thợ sửa chữa, mua bán điện thoại cũ nên anh thu mua số điện thoại cũ trên từ nhiều người khác nhau, sau đó ghi vào sổ cá nhân và giá mua của từng chiếc điện thoại. Anh không biết rõ thông tin về đặc điểm, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ của những điện thoại anh đã mất.

Quá trình điều tra, ngày 28-9-2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Dương C, thu giữ của C một điện thoại di động Mobistar B242, số Imei: 352242023354279.

Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố N, C đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên và khai số tiền lấy được ở trong ví là 3.700.000 đồng và chỉ thừa nhận đã lấy 39 chiếc điện thoại. Quá trình tiêu thụ tài sản C khai đã bán cho Phạm Sỹ A 10 chiếc điện thoại các loại được 8.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã triệu tập anh A lên làm việc. Anh A khai nhận mua của C 10 chiếc điện thoại và đã bán cho người không quen biết. Ngoài ra C còn bán cho người đi đường không rõ tên tuổi địa chỉ

12 chiếc điện thoại được số tiền 1.950.000 đồng. Do đó, Cơ quan điều tra không thu hồi được 22 chiếc điện thoại này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nơi ở của C 14 chiếc điện thoại di động các loại chưa kịp tiêu thụ, thu giữ của bà Phạm Thị D (Mẹ đẻ C) 01 chiếc điện thoại HTC 10 do C đưa cho bà sử dụng. Thu giữ 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 tại cửa hàng cầm đồ Anh Phát tại số 134 đường Đ, phường C, thành phố N, chủ cửa hàng là ông Bùi M (C mang cầm cố được 850.000 đồng).

Đối với 22 chiếc điện thoại mà Cơ quan điều tra không thu hồi được, do người bị hại không cung cấp được đặc điểm, nguồn gốc xuất xứ và không có thông tin nào khác về tài sản nên Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự không có đủ căn cứ để định giá.

Đối với 17 chiếc điện thoại thu hồi được, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N kết luận: 17 chiếc điện thoại có trị giá 7.100.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại 17 chiếc điện thoại di động trên cho anh H, anh H đã nhận lại số tài sản trên. Đối với số tiền 3.700.000 đồng và 22 chiếc điện thoại không thu hồi được, anh H không yêu cầu bồi thường. Ông Bùi M yêu cầu C bồi thường 850.000 đồng, hiện C chưa bồi thường cho ông M.

Đối với ông Bùi M, anh Phạm Sỹ A và bà Phạm Thị D, do không biết tài sản do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Bản cáo trạng số 327/CT-VKS ngày 15-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Dương C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Dương C xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình. Bị cáo khai vào khoảng 0 giờ ngày 15-9-2018, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút vào nhà chiếm đoạt 39 chiếc điện thoại các loại và số tiền 3.700.000 đồng cùng một số giấy tờ đựng trong chiếc ví da của anh Trần Văn H và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng. Còn chiếc điện thoại di động Mobistar B242, số Imei: 352242023354279 là của bị cáo sử dụng hàng ngày. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Dương C theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Mobistar B242, số Imei: 352242023354279 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; buộc bị cáo bồi thường cho ông Bùi M số tiền 850.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Dương C có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 0 giờ ngày 15-9-2018, tại số nhà 82C/109 đường Đ, phường C, thành phố N bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 39 chiếc điện thoại và số tiền 3.700.000 đồng và một số giấy tờ đựng trong chiếc ví da của anh Trần Văn H. Trong đó Cơ quan điều tra Công an thành phố N không thu hồi được 22 chiếc điện thoại nên không xác định được trị giá tài sản; 17 chiếc điện thoại các loại đã thu hồi xác định trị giá tài sản là 7.100.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại có giá trị trên 2.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội

của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự NH là người có nhân thân rất xấu.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là anh Trần Văn H đã nhận lại tài sản là 17 chiếc điện thoại đồng thời không có yêu cầu bồi thường đối với 22 chiếc điện thoại và số 3.700.000 đồng cùng một số giấy tờ và một chiếc ví da không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Bùi M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 850.000 đồng, xét thấy đây là yêu cầu chính đáng nên buộc bị cáo Nguyễn Dương C phải bồi thường cho ông Bùi M số tiền 850.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động Mobistar B242 số Imei: 352242023354279, xét thấy không liên quan đến vụ án nên trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Dương C bị kết án và bồi thường trách nhiệm dân sự nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Dương C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dương C 21 (Hai một) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 28-9-2018.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Dương C phải bồi thường cho ông Bùi M số tiền 850.000 đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Nguyễn Dương C chiếc điện thoại di động Mobistar B242, số Imei: 352242023354279 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Số vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa Công an thành phố N với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

4. Án phí: Bị cáo Nguyễn Dương C phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Dương C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Bùi M có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Toà án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục thi hành án TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

